

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 275/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

Ông Trần Văn Chánh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà tham gia phiên tòa:*
Không tham gia.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1799/2024TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1996

Địa chỉ thường trú: Ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ liên lạc: Ấp T, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1990

Địa chỉ: khu phố F, Phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

(Bà Y, ông T có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Nguyễn Hữu T tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Trước khi làm thủ tục đăng ký kết hôn thì bà đã có con với ông T. Sau khi về chung sống với nhau, vợ

chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp. Vợ chồng luôn cảm thấy căng thẳng, ngột ngạt khi ở bên nhau, dần dần không còn tình cảm với nhau. Nhiều lần, ông bà tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay và hiện không ai quan tâm đến ai. Giữa bà và ông T hiện chỉ còn một mối quan tâm duy nhất là việc chăm sóc, nuôi dạy con chung, ngoài ra không còn sự yêu thương, chia sẻ. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn giữa bà và ông T ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã ly thân quá lâu và không ai có nhu cầu hàn gắn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài tình trạng như hiện nay, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án cho bà ly hôn ông Nguyễn Hữu T.

- Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Minh P, sinh ngày 17/9/2012. Hiện nay, con chung đang ở với ông T. Ly hôn, bà đề nghị Tòa án giao con chung cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Tại Đơn khởi kiện, bà Y đề nghị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đ (hai triệu đồng). Tại Bản tự khai ngày 12/7/2024, bà đề nghị tạm thời bà không cấp dưỡng nuôi con.

Lý do: cháu P từ nhỏ đã ở với ông T và cha mẹ của ông T, hiện cháu đang học tại Trường THCS N, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, nên bà không muốn làm xáo trộn cuộc sống của con sau ly hôn. Bản thân bà làm công nhân tại Công ty B ở N, có thu nhập 12 triệu đồng một tháng nhưng đi làm xa và đang phải thuê nhà trọ nên không thể chăm sóc con tốt bằng ông T. Trong khi đó, ông T làm thợ hồ với thu nhập mỗi tháng khoảng 12 triệu đồng đến 15 triệu đồng một tháng, ở với cha mẹ và có sự hỗ trợ từ cha mẹ trong việc chăm sóc con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/7/2024, bị đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Y tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai vào ngày 05/5/2015. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng cãi vã, nhiều lần ông bà có nói chuyện với nhau để hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Ông và bà Y đã ly thân từ năm 2020 đến nay, vợ chồng không còn tình cảm nên bà Y xin ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Minh P, sinh ngày 17/9/2012. Hiện nay, con chung đang ở với ông. Ly hôn, ông đề nghị Tòa án giao con chung cho ông nuôi, không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Y xin ly hôn ông Nguyễn Hữu T, ông T là bị đơn có nơi cư trú tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Bà Y, ông T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về việc giải quyết vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Y, ông T tự nguyện chung sống với nhau, được Ủy ban nhân dân trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp chứng nhận đăng ký kết hôn số 88/2015 ngày 05/5/2015 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8,9 Luật hôn nhân gia đình.

2.2. Về yêu cầu xin ly hôn của bà Y: Các đương sự đều thừa nhận, quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp. Nhiều lần, ông bà tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Hiện nay, vợ chồng đã ly thân, không ai quan tâm đến ai. Theo bà Y, giữa bà và ông T hiện chỉ còn một mối quan tâm duy nhất là việc chăm sóc, nuôi dạy con chung, ngoài ra không còn sự yêu thương, chia sẻ. Tòa án đã mở phiên họp để tiến hành hòa giải và phiên tòa để xét xử nhưng cả bà Y và ông T đều có đơn xin vắng mặt, thể hiện không ai có nhu cầu hàn gắn tình cảm.

Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng bà Y, ông T là có thật và hiện đã rất trầm trọng. Vợ chồng đã ly thân thời gian dài và không còn quan tâm đến nhau, không muốn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt, nếu tiếp tục kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện tại cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự. Bà Y xin ly hôn, ông T đồng ý nên căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cho bà Y được ly hôn với ông T để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

2.3. Về con chung: Bà Y, ông T có 01 con chung tên là Nguyễn Minh P, sinh ngày 17/9/2012, hiện con chung đang ở với ông T và có nguyện vọng được tiếp tục ở với cha nếu cha mẹ ly hôn. Cả bà Y và ông T đều thống nhất để Tòa án giao con chung cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Phúc cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có tranh chấp về cấp dưỡng nên tạm thời bà Y không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà Y, ông T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà Y (không trực tiếp nuôi con) có quyền, nghĩa vụ

thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

2.4. Về tài sản chung: các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.5. Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.6. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 8,9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y với bị đơn ông Nguyễn Hữu T về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1996 được ly hôn ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1990

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Minh P, sinh ngày 17/9/2012 cho ông Nguyễn Hữu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động. Tạm thời bà Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà Y, ông T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà Y (không trực tiếp nuôi con) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, 110, 118 Luật hôn nhân gia đình

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Y đã nộp theo biên lai thu số 0004601 ngày 05/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, Bà Y đã nộp xong án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa ;
- Nơi đăng ký kết hôn ;
- Lưu : HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tám